

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-11-2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Võ Bá Lưu

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Đặng Văn Hoàn

2. Ông Nguyễn Xuân Thí.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:***  
Bà Lê Thị Ngọc Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/01/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 546/2020/QĐ-ST ngày 02 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ D; sinh năm 1998; Nơi ĐKKHKT: Thôn Đức T, xã Đức T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phan Văn Đ; sinh năm 1995; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn Đức T, xã Đức T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Hiện đang trú tại: 327 Byng Ave North York (Toronto) Canada, có đơn đề nghị xin xử vắng mặt.

Thân nhân của anh Phan Văn Đ, Bà Võ Thị H; sinh năm: 1971; (mẹ đẻ của anh Đ); Địa chỉ: Thôn Đức T, xã Đức T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06/01/2020, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Phan Văn Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn 10/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đức T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn. Đến năm 2017 anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Canada. Vì điều kiện làm việc cũng như khoảng cách về thời gian và địa lý nên mâu thuẫn phát sinh càng nhiều. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Chị D nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

*Về con chung:* Chị D trình bày vợ chồng có 01 con chung mang tên Phan Hoàng A; sinh ngày 11/11/2016. Sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đến tuổi trưởng thành.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị D trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Phan Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã ủy thác tư pháp ra nước ngoài thông qua Đại sứ quán của Việt Nam tại Canada để yêu cầu cơ quan này tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với anh Phan Văn Đ. Ngày 01/6/2020 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Bản tự khai đề ngày 06/5/2020 của anh Đ gửi từ bưu điện nước ngoài về, nội dung anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án. Anh Đ thống nhất như trình bày của chị D về quá trình tìm hiểu và kết hôn. Do hiện tại cuộc sống mỗi người một nơi, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện tại anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

*Về con chung:* Anh Đ trình bày vợ chồng có 01 con chung mang tên Phan Hoàng A; sinh ngày 11/11/2016. Hiện con đang sống chung chị D nguyện vọng của anh sau khi ly hôn giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, hàng tháng anh Đ cấp dưỡng 3.000.000 đồng nuôi con đến khi con trưởng thành.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vì điều kiện ở xa nên anh Đ không thể về Việt Nam để tham gia phiên toà theo thời gian đã ấn định, anh xin phép được vắng mặt tại phiên hoà giải và phiên toà, đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Bên cạnh đó Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã yêu cầu thân nhân của bị đơn là bà Võ Thị H (mẹ ruột) của anh Phan Văn Đ trình bày ý kiến của mình về việc chị D xin ly hôn anh Đ, bà H trình bày: “anh Đ là con trai của bà, từ khi anh Đ đi làm ăn ở Canada đến nay vẫn hay liên lạc với gia đình bằng điện thoại, thư từ, bà có nghe anh Đ tâm sự vợ chồng con đang làm thủ tục ly hôn và sau khi ly hôn sẽ giao con cho D nuôi dưỡng, hàng tháng sẽ cấp dưỡng 3.000.000 đồng để nuôi con”.

Xét thấy việc trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký tại Bản tự khai do anh Phan Văn Đ gửi về là cần thiết cho việc làm căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 03 tháng 7 năm 2020 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định số 951/2020/QĐ-TCGD trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của Phan Văn Đ

ở mục ký tên tại Bản tự khai của anh Đ gửi cho Toà án. Tại kết luận giám định số 1000/PC09 (GD) ngày 20/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đã xác định chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết (chữ viết, chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh là do chính anh Phan Văn Đ viết).

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn anh Phan Văn Đ.

Về con chung: Giao con Phan Hoàng A; sinh ngày 11/11/2016 cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng, hàng tháng anh Phan Văn Đ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng kể từ tháng 11/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thì anh Phan Văn Đ đã sử dụng hộ chiếu số B9418260 xuất cảnh ngày 26/9/2017 qua cửa khẩu sân bay Tân Sơn Nhất, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên toà, bị đơn vắng mặt và đã có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại hồ sơ vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc vắng mặt của đương sự trong trường hợp này, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, vợ chồng không còn sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Tại phiên toà chị

Nguyễn Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn Đ. Anh Đ có biết việc chị D xin ly hôn, anh có văn bản gửi từ Canada về đồng ý ly hôn với chị D, văn bản đã được giám định kết luận đúng chữ viết và chữ ký của anh Phan Văn Đ. Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị D để xử cho chị D được ly hôn với anh Đ là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Hoàng A; sinh ngày 11/11/2016. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị D giao con chung cho chị chăm sóc nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của chị D thấy rằng, từ khi anh Đ đi làm ăn nước ngoài đến nay con Phan Hoàng A sinh sống ổn định với mẹ ruột, hiện tại anh Đ đang ở nước ngoài. Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị D để giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, buộc anh Phan Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Phan Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí giám định tư pháp theo quy định: Chị Nguyễn Thị Mỹ D đã nộp đủ.

[2.6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 277, Điều 147, 153, Điều 464, Điều 469, Điều 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn anh Phan Văn Đ;

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Hoàng A; sinh ngày 11/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Văn Đ có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ kể từ tháng 11/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2017/0006837 ngày 10/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 4.440.500 đồng lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí giám định tư pháp (chị D đã nộp đủ). Anh Phan Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án sơ thẩm xử công khai, chị Nguyễn Thị Mỹ D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phan Văn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Trạch;
- Lưu Toà DS, HSVA, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Võ Bá Lưu**



